

Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

Tam Đường, ngày 30 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào 147, Điều 212 và Điều 213/Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117/Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về mức cấp dưỡng: Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn (Từ 2.000.000 đồng/tháng thành 1.500.000 đồng/tháng) so với Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 28/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, cụ thể như sau: Anh Nguyễn Đình V có nghĩa

vụ cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị P nuôi con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 22/9/2015 với số tiền là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng mỗi tháng từ thời điểm thay đổi mức cấp dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Huyền T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.2. Về thời điểm bắt đầu thay đổi mức cấp dưỡng: Từ tháng 11/2019.

2.3. Về phương thức cấp dưỡng: Cấp dưỡng theo tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 25 hàng tháng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng ghi tại mục 2.1 quyết định này thì còn phải chịu lãi suất chậm cấp dưỡng tại thời điểm thi hành đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian và số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Điều 357, Điều 468/Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2.4. Về án phí: Anh Nguyễn Đình V phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Đình V đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0003718 ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay 150.000 đồng chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm, anh V được trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9/Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30/Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đoàn Trung Phước**